

-기

đuôi danh từ hóa — biến động từ thành danh từ

Chuyển một hành động thành thứ có thể nói đến như một sự vật. Dễ tạo, và là nền tảng cho một loạt mẫu câu cố định mà bạn sẽ dùng liên tục.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Mọi động từ	-기	읽다 → 읽기
Gốc từ ≡ giữ nguyên ≡	-기	만들다 → 만들기
Dễ, khó	-기 쉽다 / 어렵다	읽기 쉬워요
Bắt đầu làm	-기 시작하다	공부하기 시작했어요
Để làm	-기 위해서	건강하기 위해서
Không bao giờ gần thì	chỉ gốc từ nguyên dạng	갓기 시작했어요 là sai

Khi nào dùng

Gắn -기 vào bất kỳ gốc từ nguyên dạng nào: 읽기, 쓰기, 만들기. Không có gì thay đổi, ≡ giữ nguyên, và không bao giờ có thì đứng trước nó.

Phần lớn thời gian bạn sẽ gặp nó trong các mẫu cố định hơn là đứng một mình: -기 쉽다 / 어렵다 (dễ / khó làm gì), -기 시작하다 (bắt đầu làm gì), -기 좋다 / 싫다, -기 위해서 (để làm gì), và -기 전에. Những mẫu này chỉ đi với -기.

Nó cũng gọi tên các hoạt động một cách khái quát, vì thế bốn kỹ năng ngôn ngữ là 읽기, 쓰기, 듣기, 말하기. Khi bạn muốn nói về một trường hợp cụ thể có thì riêng, tiếng Hàn chuyển sang -는 것.

Ví dụ trong câu

- 1 한국어는 읽기가 어려워요.
Đọc là phần khó của tiếng Hàn.
- 2 운동하기 시작했어요.
Tôi đã bắt đầu tập thể dục.
- 3 이 책은 읽기 쉬워요.
Cuốn sách này dễ đọc.
- 4 내일 만나기로 했어요.
Chúng tôi đã hẹn gặp nhau vào ngày mai.
- 5 저는 요리하기를 좋아해요.
Tôi thích nấu ăn.
- 6 자기 전에 이를 닦으세요.
Hãy đánh răng trước khi đi ngủ.

So sánh với

-는 것
-기 gọi tên một hoạt động nói chung; -는 것 chỉ một trường hợp cụ thể và có thể mang thì. Khi nói về một sự việc cụ thể có thời điểm, hãy dùng -는 것.

수영하기를 좋아해요. (tôi thích bơi) / 어제 수영한 것을 후회해요. (tôi hối hận vì hôm qua đã đi bơi)

Mẫu câu cố định
Một số cấu trúc chỉ chấp nhận -기. Thay bằng -는 것 trong các cấu trúc này là sai ngữ pháp chứ không chỉ là không tự nhiên.

읽기 쉬워요 / 가기 전에 / 시작하기 — không bao giờ 읽는 것 쉬워요

-(으)ㅁ
Một đuôi danh từ hóa khác, chỉ dùng trong văn viết trang trọng và ghi chép. Nó gọi tên một sự việc đã hoàn thành chứ không phải một hoạt động.

회의 참석하기 (tham dự cuộc họp) / 회의에 참석함 (đã tham dự — trong báo cáo)

Lưu ý

- X 이 책은 읽는 것 쉬워요.
O 이 책은 읽기 쉬워요.
쉽다 và 어렵다 chỉ đi với -기. Điều này cũng áp dụng cho 좋다, 싫다, 편하다 trong mẫu này.
- X 작년에 배웠기 시작했어요.
O 작년에 배우기 시작했어요.
-기 không bao giờ mang thì. Quá khứ chỉ được thể hiện một lần, ở 시작하다.
- X 그 사람이 온 기를 몰랐어요.
O 그 사람이 온 것을 몰랐어요.
Để nói về một sự việc cụ thể đã xảy ra, tiếng Hàn cần định ngữ cộng với 것. -기 không thể mang dạng quá khứ.